

BẢNG ĐIỂM
ACADEMIC TRANSCRIPT

(CHƯA TỐT NGHIỆP - NOT YET GRADUATED)

Họ tên (Full Name): NGUYỄN HỨA GIA PHÚC

Mã số sinh viên (Student ID): 1412961

Ngày sinh (Date of birth): 18/08/1996

Nơi sinh (Place of birth): Hồ Chí Minh

Năm nhập học (Year of admission): 2014

Hình thức đào tạo: Chính quy

Mode of study: Full-time Study

Bậc Đại học (Bachelor program)

Ngành: Khoa học Máy tính

Major: Computer Science

Kết quả học tập chi tiết (Detailed academic record)

Mã MH (Course ID)	Tên môn học (Course title)	TC (Credit)	Điểm (Grade)	Số tiết (Hrs)
----------------------	-------------------------------	----------------	-----------------	------------------

(1) Môn học dạy bằng tiếng Anh (Course taught in English)

(2) Môn học dạy bằng tiếng Pháp (Course taught in French)

Năm học (Academic year) 2014-2015 - Học kỳ (Semester) 1

CO1007	Cấu trúc rời rạc cho khoa học máy tính Discrete Structures for Computing	4	8.50	60
MT1003	Giải tích 1 Calculus 1	4	7.50	75
MI1003	Giáo dục quốc phòng Military Training	0	DT	0
PE1003	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	0	5.00	30
CH1003	Hóa đại cương General Chemistry	3	8.00	60
CO1005	Nhập môn điện toán Introduction to Computing	3	7.00	60
PH1003	Vật lý 1 General Physics 1	4	7.00	75

ĐTBHK (Semester GPA)	7.61	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.35	Số TCTL (Cumulative Credits)	26
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	----

Năm học (Academic year) 2014-2015 - Học kỳ (Semester) 2

LA1007	Anh văn 3 English 3	2	8.50	60
MT1007	Đại số tuyến tính Linear Algebra	3	8.00	60
MT1005	Giải tích 2 Calculus 2	4	7.50	75
PE1005	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	0	5.00	30
CO1009	Hệ thống số Digital Systems	4	7.50	75
CO1011	Kỹ thuật lập trình Programming Fundamentals	4	9.00	75
PH1007	Thí nghiệm vật lý General Physics Labs	1	7.50	30

ĐTBHK (Semester GPA)	8.03	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.20	Số TCTL (Cumulative Credits)	42
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	----

Năm học (Academic year) 2015-2016 - Học kỳ (Semester) 1

LA1009	Anh văn 4 English 4	2	9.00	60
CO2003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Data Structures and Algorithms	4	9.50	75
CO2007	Kiến trúc máy tính Computer Architecture	4	8.00	75
CO2005	Lập trình hướng đối tượng Object-Oriented Programming	4	7.50	75
MT1009	Phương pháp tính Numerical Methods	3	7.50	45
PH1005	Vật lý 2 General Physics 2	4	8.50	75

ĐTBHK (Semester GPA)	8.31	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.21	Số TCTL (Cumulative Credits)	61
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	----

Năm học (Academic year) 2015-2016 - Học kỳ (Semester) 2

PE1007	Giáo dục thể chất 3 Physical Education 3	0	7.00	30
CO2013	Hệ cơ sở dữ liệu Database Systems	4	7.50	75
CO2017	Hệ điều hành Operating Systems	3	8.50	60
CO2001	Kỹ năng chuyên nghiệp cho kỹ sư Professional Skills for Engineers	3	8.00	45
CO2011	Mô hình hóa toán học Mathematical Modeling	3	8.50	45
MT2001	Xác suất và thống kê Probability and Statistics	3	7.00	45

ĐTBHK (Semester GPA)	7.88	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.14	Số TCTL (Cumulative Credits)	77
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	----

Năm học (Academic year) 2016-2017 - Học kỳ (Semester) 1

CO3001	Công nghệ phần mềm Software Engineering	3	8.00	45
IM1013	Kinh tế học đại cương Economics	3	8.00	45
CO3003	Mạng máy tính Computer Networks	4	7.00	75
CO3005	Nguyên lý ngôn ngữ lập trình Principles of Programming Languages	4	8.00	60
SP1007	Pháp luật Việt Nam đại cương Introduction to Vietnamese Law	2	8.00	30

ĐTBHK (Semester GPA)	7.75	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.08	Số TCTL (Cumulative Credits)	93
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	----

Năm học (Academic year) 2016-2017 - Học kỳ (Semester) 2

CO3059	Đồ họa máy tính Computer Graphics	3	6.50	45
CO3069	Mật mã và an ninh mạng Cryptography and Network Security	3	8.50	60
SP1003	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin Basic Principles of Marxism - Leninism	5	7.00	105
CO3031	Phân tích và thiết kế giải thuật Algorithms-Design and Analysis	3	8.50	45
CO3055	Thực tập công nghệ phần mềm Practice on Software Engineering	2	8.50	60

ĐTBHK (Semester GPA)	7.66	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.01	Số TCTL (Cumulative Credits)	109
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	-----

Năm học (Academic year) 2016-2017 - Học kỳ (Semester) 3

CO3313	Thực tập tốt nghiệp (Khoa học Máy tính) Internship	2	8.50	0
--------	--	---	------	---

ĐTBHK (Semester GPA)	8.50	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.02	Số TCTL (Cumulative Credits)	111
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	-----

Năm học (Academic year) 2017-2018 - Học kỳ (Semester) 1

CO4311	Đề cương luận văn tốt nghiệp (Khoa học Máy tính) Thesis Proposal	0	8.50	0
CO3029	Khai phá dữ liệu Data Mining	3	9.00	45
CO3049	Lập trình web Web Programming	3	8.50	60
CO3025	Phân tích và thiết kế hệ thống System Analysis and Design	4	9.00	60
CO3067	Tính toán song song Parallel Computing	3	9.50	60
SP1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	7.50	45

ĐTBHK (Semester GPA)	8.80	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.12	Số TCTL (Cumulative Credits)	126
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	-----

Năm học (Academic year) 2017-2018 - Học kỳ (Semester) 2

SP1009	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary Policies of the Vietnam Communist Party	3	8.00	60
CO4313	Luận văn tốt nghiệp (Khoa học Máy tính) Thesis	9	9.80	0
CO3061	Nhập môn trí tuệ nhân tạo Introduction to Artificial Intelligence	3	8.50	45

ĐTBHK (Semester GPA)	9.18	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.23	Số TCTL (Cumulative Credits)	141
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	-----

Năm học (Academic year) 2018-2019 - Học kỳ (Semester) 1

CO4027	Học máy Machine Learning	3	8.00	45
CO3037	Phát triển ứng dụng internet of things Internet of Things Application Development	3	8.50	60

ĐTBHK (Semester GPA)	8.25	ĐTBTL (Cumulative GPA)	8.23	Số TCTL (Cumulative Credits)	147
-------------------------	------	---------------------------	------	---------------------------------	-----

Môn học được chuyển điểm (Transfer Credits)

LA1003	Anh văn 1 English 1	2	10.00	60
LA1005	Anh văn 2 English 2	2	10.00	60
LA1007	Anh văn 3 English 3	2	10.00	60
LA1009	Anh văn 4 English 4	2	10.00	60

Bảng điểm này dựa trên dữ liệu đúng tại thời điểm in.

This transcript is based on information that was correct at time of printing.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019
(February 26, 2019)

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(Deputy Head, Office of Academic Affairs)


PGS.TS. Nguyễn Duy Anh